



xiǎo diào

小调

noun · minor key; folk tune

Example Sentences

Zhè shǒu qǔ zì shì xiǎo diào

这首曲子是小调。

This piece is in a minor key.

Tā xǐ huan chàng mín jiān xiǎo diào

他喜欢唱民间小调。

He likes to sing folk tunes.

xiǎo diào de yīn yuè fēng gé ràng rén gǎn dào yōu shāng

小调的音乐风格让人感到忧伤。

The musical style of the minor key makes people feel sad.

Trace each character, then write the word on your own.

小	小	小	小	小	小						
调	调	调	调	调	调	调	调	调	调	调	调
调	调										